

Số: 1727/QĐ-ĐHNH

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 05 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cấp học bổng cho sinh viên hệ đại học chính quy
tiếng Anh bán phần, chương trình Đặc biệt, chương trình Tinh hoa
Học kỳ 1 - Năm học 2025 - 2026

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGÂN HÀNG TP. HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Nghị quyết số 159/NQ-ĐHNH-HĐT, ngày 16/9/2024 của Chủ tịch Hội đồng trường về việc ban hành “Quy chế chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các đơn vị thuộc, trực thuộc Trường Đại học Ngân hàng Tp. Hồ Chí Minh”;

Căn cứ Quyết định số 1577/QĐ-ĐHNH, ngày 31/8/2021 của Hiệu trưởng về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của quy chế quản lý học vụ đào tạo chất lượng cao trình độ đại học tại Trường Đại học Ngân hàng Tp. Hồ Chí Minh được ban hành theo Quyết định số 2134A/QĐ-ĐHNH ngày 02/10/2017;

Căn cứ Quyết định số 466/QĐ-ĐHNH, ngày 28/02/2024 của Hiệu trưởng về việc ban hành Quy chế tổ chức và quản lý đào tạo trình độ đại học tại Trường Đại học Ngân hàng Tp. Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 1070/QĐ-ĐHNH, ngày 24/04/2024 của Hiệu trưởng về việc ban hành Quy chế tổ chức và triển khai thực hiện chương trình đào tạo chất lượng cao, tiếng Anh bán phần, chương trình đào tạo đặc biệt trình độ đại học tại Trường Đại học Ngân hàng Tp. Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 1341/QĐ-ĐHNH, ngày 04/05/2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Ngân hàng Tp. Hồ Chí Minh về việc ban hành “Quy chế thực hiện chế độ chính sách cấp học bổng đối với người học tại Trường Đại học Ngân hàng Tp. Hồ Chí Minh”;

Căn cứ Biên bản số: 749/BB-ĐHNH, ngày 21/05/2025 của Hội đồng xét học bổng khuyến khích học tập học kỳ 1 năm học 2025 - 2026;

Xét tờ trình số 123/TTr-ĐHNH-QLĐT, của Trưởng Phòng Quản lý Đào tạo về việc ký Quyết định cấp học bổng cho sinh viên hệ đại học chính quy tiếng Anh bán phần, chương trình Đặc biệt, chương trình Tinh hoa học kỳ 1 năm học 2025 - 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp học bổng cho 100 sinh viên hệ đại học chính quy tiếng Anh bán phần, chương trình Đặc biệt, chương trình Tinh hoa đã có thành tích học tập và rèn luyện tốt trong học kỳ 1, năm học 2025 – 2026.

(Danh sách đính kèm)

Điều 2. Mức học bổng được cấp như sau:

Loại học bổng	Số lượng sinh viên	Đơn giá (vnđ)	Thành tiền (vnđ)
Xuất sắc	100	14.500.000	1.450.000.000

Điều 3. Chánh Văn phòng, Trưởng Phòng Quản lý Đào tạo, Giám đốc Trung tâm sinh viên và quan hệ doanh nghiệp, Trưởng Phòng Tài chính – Kế toán và sinh viên có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TTSV&QHDN;
- Lưu VP, PQLĐT.



HIỆU TRƯỞNG

GS.TS. Nguyễn Đức Trung



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐẠI HỌC CHÍNH QUY TIẾNG ANH BÁN PHẦN, CHƯƠNG TRÌNH ĐẶC BIỆT, CHƯƠNG TRÌNH
TÌNH HOA ĐƯỢC CẤP HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2025-2026**



Ban hành theo Quyết định số 1727/QĐ-DHNH, ngày 21 tháng 05 năm 2026 của Hiệu trưởng

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	Lớp	Điểm TB	Xếp loại học tập	Điểm RL	Xếp loại RL	Số tín chỉ	Xếp loại HB	Số tiền (VNĐ)
1	050611231255	Hoàng Thị Thanh	Thương	HQ11-BAF19	3.9	Xuất sắc	100	Xuất sắc	18	Xuất sắc	14.500.000
2	050611230103	Nguyễn Hải	Âu	HQ11-BAF15	3.9	Xuất sắc	95	Xuất sắc	20	Xuất sắc	14.500.000
3	050611230710	Đình Ngọc Bảo	Ngân	HQ11-BAF04	3.9	Xuất sắc	95	Xuất sắc	20	Xuất sắc	14.500.000
4	050611231000	Trần Thị Hồng	Phúc	HQ11-BAF12	3.9	Xuất sắc	95	Xuất sắc	18	Xuất sắc	14.500.000
5	050611230433	Nguyễn Quang	Huy	HQ11-BAF01	3.9	Xuất sắc	90	Xuất sắc	23	Xuất sắc	14.500.000
6	050611231302	Lê Phước	Tính	HQ11-BAF04	3.9	Xuất sắc	90	Xuất sắc	20	Xuất sắc	14.500.000
7	050611231291	Trịnh Thị Huệ	Tiên	HQ11-BAF13	3.8	Xuất sắc	100	Xuất sắc	23	Xuất sắc	14.500.000
8	050611231546	Hoàng Thị Phương	Viên	HQ11-BAF11	3.8	Xuất sắc	100	Xuất sắc	23	Xuất sắc	14.500.000
9	050611230217	Nguyễn Thị Mỹ	Dung	HQ11-BAF21	3.8	Xuất sắc	100	Xuất sắc	20	Xuất sắc	14.500.000
10	050611230389	Đỗ Trần Hoàng	Hưng	HQ11-ACC03	3.8	Xuất sắc	100	Xuất sắc	20	Xuất sắc	14.500.000
11	050611230512	Võ Minh	Khôi	HQ11-BAF07	3.8	Xuất sắc	100	Xuất sắc	20	Xuất sắc	14.500.000
12	050611230570	Nguyễn Hà Lệ	Linh	HQ11-BAF14	3.8	Xuất sắc	100	Xuất sắc	20	Xuất sắc	14.500.000
13	050611230614	Trần Ngọc Khánh	Luy	HQ11-BAF13	3.8	Xuất sắc	100	Xuất sắc	20	Xuất sắc	14.500.000
14	050611230659	Phan Lưu Công	Minh	HQ11-ACC01	3.8	Xuất sắc	100	Xuất sắc	20	Xuất sắc	14.500.000
15	050611230890	Phạm Đoàn Yến	Nhi	HQ11-MAG01	3.8	Xuất sắc	100	Xuất sắc	20	Xuất sắc	14.500.000
16	050611231088	Huỳnh Minh	Sĩ	HQ11-BAF10	3.8	Xuất sắc	100	Xuất sắc	20	Xuất sắc	14.500.000
17	050611231208	Lý Minh	Thư	HQ11-BAF05	3.8	Xuất sắc	100	Xuất sắc	20	Xuất sắc	14.500.000
18	050611231227	Nguyễn Vũ Anh	Thư	HQ11-BAF19	3.8	Xuất sắc	100	Xuất sắc	20	Xuất sắc	14.500.000
19	050611231390	Lê Vũ Thủy	Trang	HQ11-BAF11	3.8	Xuất sắc	100	Xuất sắc	20	Xuất sắc	14.500.000
20	050611231493	Huỳnh Cẩm	Uy	HQ11-BAF02	3.8	Xuất sắc	100	Xuất sắc	20	Xuất sắc	14.500.000
21	050112240206	Nguyễn Hữu	Phước	HQ12-BAF03	3.8	Xuất sắc	100	Xuất sắc	20	Xuất sắc	14.500.000
22	050112240698	Mai Phong	Minh	HQ12-BAF01	3.8	Xuất sắc	100	Xuất sắc	20	Xuất sắc	14.500.000
23	050611230064	Nguyễn Ngọc Lan	Anh	HQ11-BAF19	3.8	Xuất sắc	100	Xuất sắc	20	Xuất sắc	14.500.000
24	050812240002	Nguyễn Dương Huệ	Anh	HQ12-INE01	3.8	Xuất sắc	100	Xuất sắc	19	Xuất sắc	14.500.000
25	050611230701	Nguyễn Lâm Vương	Nam	HQ11-BAF03	3.8	Xuất sắc	95	Xuất sắc	20	Xuất sắc	14.500.000



STT	Mã SV	Họ lót	Tên	Lớp	Điểm TB	Xếp loại học tập	Điểm RL	Xếp loại RL	Số tín chỉ	Xếp loại HB	Số tiền (VNĐ)
26	050611230032	Bùi Thị Quỳnh	Anh	HQ11-BAF20	3.8	Xuất sắc	90	Xuất sắc	20	Xuất sắc	14.500.000
27	050611230035	Đặng Vân	Anh	HQ11-BAF07	3.8	Xuất sắc	90	Xuất sắc	20	Xuất sắc	14.500.000
28	050611230202	Nguyễn Văn Bé	Đông	HQ11-BAF21	3.8	Xuất sắc	90	Xuất sắc	20	Xuất sắc	14.500.000
29	050611230397	Trịnh Tiến	Hưng	HQ11-BAF03	3.8	Xuất sắc	90	Xuất sắc	20	Xuất sắc	14.500.000
30	050611230400	Cao Thị Thu	Hương	HQ11-BAF10	3.8	Xuất sắc	90	Xuất sắc	20	Xuất sắc	14.500.000
31	050611230485	Phan Bùi Tuấn	Khanh	HQ11-BAF18	3.8	Xuất sắc	90	Xuất sắc	20	Xuất sắc	14.500.000
32	050611230535	Nguyễn Thị Hoàng	Lan	HQ11-BAF04	3.8	Xuất sắc	90	Xuất sắc	20	Xuất sắc	14.500.000
33	050611230612	Trương Hoàng	Long	HQ11-BAF04	3.8	Xuất sắc	90	Xuất sắc	20	Xuất sắc	14.500.000
34	050611230626	Lê Ngọc	Mai	HQ11-BAF04	3.8	Xuất sắc	90	Xuất sắc	20	Xuất sắc	14.500.000
35	050611230859	Bùi Hoàng Yên	Nhi	HQ11-BAF04	3.8	Xuất sắc	90	Xuất sắc	20	Xuất sắc	14.500.000
36	050611231029	Trần Thúy	Phượng	HQ11-BAF20	3.8	Xuất sắc	90	Xuất sắc	20	Xuất sắc	14.500.000
37	050611231084	Nguyễn Ngọc Linh	San	HQ11-BAF08	3.8	Xuất sắc	90	Xuất sắc	20	Xuất sắc	14.500.000
38	050611231185	Võ Thị Xuân	Thoa	HQ11-BAF07	3.8	Xuất sắc	90	Xuất sắc	20	Xuất sắc	14.500.000
39	050611231215	Nguyễn Đào Anh	Thư	HQ11-BAF03	3.8	Xuất sắc	90	Xuất sắc	20	Xuất sắc	14.500.000
40	050611231250	Vũ Minh	Thư	HQ11-BAF01	3.8	Xuất sắc	90	Xuất sắc	20	Xuất sắc	14.500.000
41	050611230879	Nguyễn Hoàng Yên	Nhi	HQ11-BAF14	3.8	Xuất sắc	90	Xuất sắc	17	Xuất sắc	14.500.000
42	050113250801	Trần Ngọc Quỳnh	Như	ELI13-BAF02	3.8	Xuất sắc	90	Xuất sắc	16	Xuất sắc	14.500.000
43	050313250389	Nguyễn Thị Tường	Vy	HQ13-MAG04	3.8	Xuất sắc	90	Xuất sắc	15	Xuất sắc	14.500.000
44	050611230832	Phạm Thị Minh	Nguyên	HQ11-BAF07	3.7	Xuất sắc	100	Xuất sắc	23	Xuất sắc	14.500.000
45	050611231475	Nguyễn Xuân	Tùng	HQ11-BAF11	3.7	Xuất sắc	100	Xuất sắc	23	Xuất sắc	14.500.000
46	050611230031	Bùi Thị Minh	Anh	HQ11-BAF19	3.7	Xuất sắc	100	Xuất sắc	20	Xuất sắc	14.500.000
47	050611230123	Đường Y	Bình	HQ11-BAF02	3.7	Xuất sắc	100	Xuất sắc	20	Xuất sắc	14.500.000
48	050611230166	Trương Văn	Công	HQ11-BAF18	3.7	Xuất sắc	100	Xuất sắc	20	Xuất sắc	14.500.000
49	050611230181	Trần Công	Danh	HQ11-BAF06	3.7	Xuất sắc	100	Xuất sắc	20	Xuất sắc	14.500.000
50	050611230356	Đỗ Minh	Hiền	HQ11-BAF02	3.7	Xuất sắc	100	Xuất sắc	20	Xuất sắc	14.500.000
51	050611230372	Lê Ngọc	Hòa	HQ11-BAF02	3.7	Xuất sắc	100	Xuất sắc	20	Xuất sắc	14.500.000
52	050611230532	Phan Tùng	Lâm	HQ11-BAF07	3.7	Xuất sắc	100	Xuất sắc	20	Xuất sắc	14.500.000
53	050611230583	Nguyễn Trần Thảo	Linh	HQ11-BAF05	3.7	Xuất sắc	100	Xuất sắc	20	Xuất sắc	14.500.000
54	050611230617	Lê Thảo	Ly	HQ11-BAF02	3.7	Xuất sắc	100	Xuất sắc	20	Xuất sắc	14.500.000

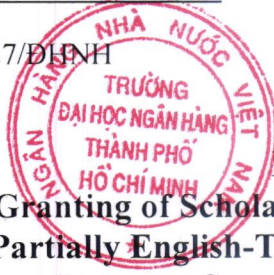
STT	Mã SV	Họ lót	Tên	Lớp	Điểm TB	Xếp loại học tập	Điểm RL	Xếp loại RL	Số tín chỉ	Xếp loại HB	Số tiền (VNĐ)
55	050611230685	Trần Quỳnh Bảo	My	HQ11-BAF12	3.7	Xuất sắc	100	Xuất sắc	20	Xuất sắc	14.500.000
56	050611230932	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Như	HQ11-BAF13	3.7	Xuất sắc	100	Xuất sắc	20	Xuất sắc	14.500.000
57	050611231034	Nguyễn Vũ Nhật	Quang	HQ11-BAF05	3.7	Xuất sắc	100	Xuất sắc	20	Xuất sắc	14.500.000
58	050611231532	Trần Thị Bích	Vân	HQ11-BAF19	3.7	Xuất sắc	100	Xuất sắc	20	Xuất sắc	14.500.000
59	050611231608	Trần Như Uyên	Vy	HQ11-BAF13	3.7	Xuất sắc	100	Xuất sắc	20	Xuất sắc	14.500.000
60	050112240103	Lê Hoài Nhã	Khuyên	HQ12-BAF04	3.7	Xuất sắc	100	Xuất sắc	20	Xuất sắc	14.500.000
61	050112240740	Huỳnh Lê Bảo	Nghi	HQ12-BAF05	3.7	Xuất sắc	100	Xuất sắc	20	Xuất sắc	14.500.000
62	050112240865	Nguyễn Hà	Phuong	HQ12-BAF20	3.7	Xuất sắc	100	Xuất sắc	20	Xuất sắc	14.500.000
63	050112240918	Lương Tô	Thái	HQ12-BAF07	3.7	Xuất sắc	100	Xuất sắc	20	Xuất sắc	14.500.000
64	050812240036	Nguyễn Thị Kim	Quỳnh	HQ12-INE02	3.7	Xuất sắc	100	Xuất sắc	19	Xuất sắc	14.500.000
65	050112240673	Lâm Thụy Kim	Lợi	HQ12-BAF05	3.7	Xuất sắc	98	Xuất sắc	20	Xuất sắc	14.500.000
66	050611230785	Mai Khánh	Ngọc	HQ11-BAF10	3.7	Xuất sắc	95	Xuất sắc	20	Xuất sắc	14.500.000
67	050611231496	Đỗ Hoàng Phương	Uyên	HQ11-BAF02	3.7	Xuất sắc	95	Xuất sắc	20	Xuất sắc	14.500.000
68	050611231591	Nguyễn Thị Thúy	Vy	HQ11-ACC02	3.7	Xuất sắc	95	Xuất sắc	20	Xuất sắc	14.500.000
69	050112240483	Trần Như	Đạt	HQ12-BAF17	3.7	Xuất sắc	95	Xuất sắc	20	Xuất sắc	14.500.000
70	050113250122	Nguyễn Ngọc Khánh	Chi	ELI13-BAF01	3.7	Xuất sắc	95	Xuất sắc	16	Xuất sắc	14.500.000
71	050213250080	Nguyễn Hoài Hà	Vy	HQ13-MIS01	3.7	Xuất sắc	95	Xuất sắc	15	Xuất sắc	14.500.000
72	050611231270	Lê Nguyễn Phương	Thủy	HQ11-BAF07	3.7	Xuất sắc	94	Xuất sắc	20	Xuất sắc	14.500.000
73	050212240045	Phạm Duy	Đức	HQ12-MIS01	3.7	Xuất sắc	93	Xuất sắc	18	Xuất sắc	14.500.000
74	050611230030	Bùi Phạm Tuyết	Anh	HQ11-ACC05	3.7	Xuất sắc	90	Xuất sắc	23	Xuất sắc	14.500.000
75	050611230848	Lê Trung	Nhân	HQ11-BAF20	3.7	Xuất sắc	90	Xuất sắc	23	Xuất sắc	14.500.000
76	050611230021	Võ Trương Ngọc	An	HQ11-BAF04	3.7	Xuất sắc	90	Xuất sắc	20	Xuất sắc	14.500.000
77	050611230164	Trần Như Mỹ	Chuyên	HQ11-BAF04	3.7	Xuất sắc	90	Xuất sắc	20	Xuất sắc	14.500.000
78	050611230429	Nguyễn Huỳnh Gia	Huy	HQ11-BAF07	3.7	Xuất sắc	90	Xuất sắc	20	Xuất sắc	14.500.000
79	050611230824	Lê Thị Trường	Nguyên	HQ11-BAF14	3.7	Xuất sắc	90	Xuất sắc	20	Xuất sắc	14.500.000
80	050611230925	Lư Tâm	Như	HQ11-ACC02	3.7	Xuất sắc	90	Xuất sắc	20	Xuất sắc	14.500.000
81	050611230950	Văn Thị Quỳnh	Như	HQ11-BAF20	3.7	Xuất sắc	90	Xuất sắc	20	Xuất sắc	14.500.000
82	050611231053	Từ Mỹ	Quyên	HQ11-BAF08	3.7	Xuất sắc	90	Xuất sắc	20	Xuất sắc	14.500.000

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	Lớp	Điểm TB	Xếp loại học tập	Điểm RL	Xếp loại RL	Số tín chỉ	Xếp loại HB	Số tiền (VNĐ)
83	050611231066	Nguyễn Lê Thục	Quỳnh	HQ11-BAF18	3.7	Xuất sắc	90	Xuất sắc	20	Xuất sắc	14.500.000
84	050611231271	Nguyễn Hoàng Nhật	Thùy	HQ11-BAF10	3.7	Xuất sắc	90	Xuất sắc	20	Xuất sắc	14.500.000
85	050611231334	Đoàn Tuệ	Trân	HQ11-ACC02	3.7	Xuất sắc	90	Xuất sắc	20	Xuất sắc	14.500.000
86	050611231492	Võ Phạm Ánh	Tuyết	HQ11-BAF21	3.7	Xuất sắc	90	Xuất sắc	20	Xuất sắc	14.500.000
87	050611231528	Nguyễn Ngọc Hải	Vân	HQ11-BAF12	3.7	Xuất sắc	90	Xuất sắc	20	Xuất sắc	14.500.000
88	050611231541	Nguyễn Thị Ái	Vi	HQ11-BAF15	3.7	Xuất sắc	90	Xuất sắc	20	Xuất sắc	14.500.000
89	050611231624	Nguyễn Thị Mỹ	Xuyên	HQ11-BAF17	3.7	Xuất sắc	90	Xuất sắc	20	Xuất sắc	14.500.000
90	050611231633	Hồ Xuân	Yến	HQ11-BAF17	3.7	Xuất sắc	90	Xuất sắc	20	Xuất sắc	14.500.000
91	050112240242	Trần Minh	Thư	HQ12-BAF03	3.7	Xuất sắc	90	Xuất sắc	20	Xuất sắc	14.500.000
92	050611230844	Phạm Mỹ	Nhàn	HQ11-BAF03	3.7	Xuất sắc	90	Xuất sắc	17	Xuất sắc	14.500.000
93	050611230893	Phan Thị Ý	Nhi	HQ11-MAG03	3.7	Xuất sắc	90	Xuất sắc	17	Xuất sắc	14.500.000
94	050113250074	Phạm Ngọc Phương	Anh	ELI13-BAF01	3.7	Xuất sắc	90	Xuất sắc	16	Xuất sắc	14.500.000
95	050113250768	Phạm Bảo	Nhi	ELI13-BAF01	3.7	Xuất sắc	90	Xuất sắc	16	Xuất sắc	14.500.000
96	050713250063	Nguyễn Bảo	Trân	HQ13-EL02	3.7	Xuất sắc	90	Xuất sắc	15	Xuất sắc	14.500.000
97	050113251055	Lê Thị Cẩm	Tiên	HQ13-BAF09	3.7	Xuất sắc	90	Xuất sắc	15	Xuất sắc	14.500.000
98	050611230440	Từ Quốc	Huy	HQ11-ACC03	3.6	Xuất sắc	100	Xuất sắc	26	Xuất sắc	14.500.000
99	050611230825	Lương Phúc	Nguyên	HQ11-BAF02	3.6	Xuất sắc	100	Xuất sắc	23	Xuất sắc	14.500.000
100	050611230038	Đông Thị Trâm	Anh	HQ11-BAF11	3.6	Xuất sắc	100	Xuất sắc	23	Xuất sắc	14.500.000

Tổng số: 100 sinh viên ✓

No: 1727/ĐHNH

Ho Chi Minh City, May 21, 2026



DECISION

Regarding the Granting of Scholarships to Full-Time Undergraduate Students Enrolled in the Partially English-Taught Program, the Special Program, and the Honors Program Semester 1, Academic Year 2025–2026

RECTOR OF HO CHI MINH UNIVERSITY OF BANKING

Pursuant to Resolution No. 159/NQ-ĐHNH-HĐT (September 16th, 2024) of the Chairman of the University Council on promulgating the “Regulations on functions, duties, powers, and organizational structure of affiliated and subordinate units of Banking University Ho Chi Minh City”;

Pursuant to Decision No. 1577/QĐ-ĐHNH (August 31th, 2021) of the Rector on amending and supplementing a number of articles of the academic management regulations for high-quality undergraduate training programs at Banking University Ho Chi Minh City issued under Decision No. 2134A/QĐ-ĐHNH dated October 2, 2017;

Pursuant to Decision No. 466/QĐ-ĐHNH (February 28th, 2024) of the Rector on promulgating the Regulations on organization and management of undergraduate training at Banking University Ho Chi Minh City;

Pursuant to Decision No. 1070/QĐ-ĐHNH (April 24th, 2024) of the Rector on promulgating the Regulations on organization and implementation of high-quality training programs, partial English programs, and special undergraduate training programs at Banking University Ho Chi Minh City;

Pursuant to Decision No. 1341/QĐ-ĐHNH dated May 4, 2026, issued by the President of Ho Chi Minh City University of Banking on the promulgation of the “Regulations on the Implementation of Scholarship Policies for Students at Ho Chi Minh City University of Banking.”

Pursuant to Minutes No. 749/BB-ĐHNH (May 21th, 2026), of the High-Quality Scholarship Evaluation Council for Semester 1 of the Academic Year 2025–2026;

Considering Proposal No. 123/TTr-ĐHNH-QLĐT of the Head of the Academic Affairs Office regarding the issuance of a Decision on granting scholarships to full-time undergraduate students in the Partially English-Taught Program, the Special Program, and the Honors Program for Semester 1 of the 2025–2026 academic year.

DECISION:

Article 1. To grant scholarships to 100 full-time undergraduate students enrolled in partially English-taught programs, Special Programs, and Honors Programs who achieved excellent academic performance and good conduct during Semester 1 of the 2025–2026 academic year. (Attached list)

Article 2. The scholarship is awarded as follows:

No.	Scholarship Type	Number of Students	Unit Amount	Total Amount (VND)
01	Excellent Scholarship	100 students	14,500,000 VND	1,450,000,000 VND



Article 3. Chief of the Office, Heads of the Department of Academic Affairs, Head of the Center for students and corporate relations, Head of the Finance and Accounting, and the student mentioned in Article 1 are responsible for implementing this Decision.

Recipients:

- As in Article 3;
- CSCR
- Archives: GAO, DAA.

RECTOR

(Signed)

Nguyen Duc Trung



List of Full-Time Undergraduate Students in the Semi-English Program, Special Program, and Honors Program Receiving Academic Encouragement Scholarships for Semester 1 of the 2025–2026 Academic Year”

Issued under Decision No.1727 /QĐ-DHNN, (May 21,2026, by the Rector



No.	Student ID	Middle Name		Class	GPA	Academic Standing	Conduct Score	Conduct Rating	Credits	Scholarship Type	Amount (VND)
1	050611231255	Hoang Thi Thanh	Thuong	HQ11-BAF19	3.9	Excellent	100	Excellent	18	Excellent	14.500.000
2	050611230103	Nguyen Hai	Au	HQ11-BAF15	3.9	Excellent	95	Excellent	20	Excellent	14.500.000
3	050611230710	Dinh Ngoc Bao	Ngan	HQ11-BAF04	3.9	Excellent	95	Excellent	20	Excellent	14.500.000
4	050611231000	Tran Thi Hong	Phuc	HQ11-BAF12	3.9	Excellent	95	Excellent	18	Excellent	14.500.000
5	050611230433	Nguyen Quang	Huy	HQ11-BAF01	3.9	Excellent	90	Excellent	23	Excellent	14.500.000
6	050611231302	Le Phuoc	Tinh	HQ11-BAF04	3.9	Excellent	90	Excellent	20	Excellent	14.500.000
7	050611231291	Trinh Thi Hue	Tien	HQ11-BAF13	3.8	Excellent	100	Excellent	23	Excellent	14.500.000
8	050611231546	Hoang Thi Phuong	Vien	HQ11-BAF11	3.8	Excellent	100	Excellent	23	Excellent	14.500.000
9	050611230217	Nguyen Thi My	Dung	HQ11-BAF21	3.8	Excellent	100	Excellent	20	Excellent	14.500.000
10	050611230389	Do Tran Hoang	Hung	HQ11-ACC03	3.8	Excellent	100	Excellent	20	Excellent	14.500.000
11	050611230512	Vo Minh	Khoi	HQ11-BAF07	3.8	Excellent	100	Excellent	20	Excellent	14.500.000
12	050611230570	Nguyen Ha Le	Linh	HQ11-BAF14	3.8	Excellent	100	Excellent	20	Excellent	14.500.000
13	050611230614	Tran Ngoc Khanh	Luy	HQ11-BAF13	3.8	Excellent	100	Excellent	20	Excellent	14.500.000
14	050611230659	Phan Luu Cong	Minh	HQ11-ACC01	3.8	Excellent	100	Excellent	20	Excellent	14.500.000
15	050611230890	Pham Doan Yen	Nhi	HQ11-MAG01	3.8	Excellent	100	Excellent	20	Excellent	14.500.000
16	050611231088	Huynh Minh	Si	HQ11-BAF10	3.8	Excellent	100	Excellent	20	Excellent	14.500.000
17	050611231208	Ly Minh	Thu	HQ11-BAF05	3.8	Excellent	100	Excellent	20	Excellent	14.500.000
18	050611231227	Nguyen Vu Anh	Thu	HQ11-BAF19	3.8	Excellent	100	Excellent	20	Excellent	14.500.000
19	050611231390	Le Vu Thuy	Trang	HQ11-BAF11	3.8	Excellent	100	Excellent	20	Excellent	14.500.000
20	050611231493	Huynh Cam	Uy	HQ11-BAF02	3.8	Excellent	100	Excellent	20	Excellent	14.500.000
21	050112240206	Nguyen Huu	Phuoc	HQ12-BAF03	3.8	Excellent	100	Excellent	20	Excellent	14.500.000
22	050112240698	Mai Phong	Minh	HQ12-BAF01	3.8	Excellent	100	Excellent	20	Excellent	14.500.000
23	050611230064	Nguyen Ngoc Lan	Anh	HQ11-BAF19	3.8	Excellent	100	Excellent	20	Excellent	14.500.000
24	050812240002	Nguyen Duong Hue	Anh	HQ12-INE01	3.8	Excellent	100	Excellent	19	Excellent	14.500.000
25	050611230701	Nguyen Lam Vuong	Nam	HQ11-BAF03	3.8	Excellent	95	Excellent	20	Excellent	14.500.000



No.	Student ID	Middle Name	Class	GPA	Academic Standing	Conduct Score	Conduct Rating	Credits	Scholarship Type	Amount (VND)
26	050611230032	Bui Thi Quynh Anh	HQ11-BAF20	3.8	Excellent	90	Excellent	20	Excellent	14.500.000
27	050611230035	Dang Van Anh	HQ11-BAF07	3.8	Excellent	90	Excellent	20	Excellent	14.500.000
28	050611230202	Nguyen Van Be Dong	HQ11-BAF21	3.8	Excellent	90	Excellent	20	Excellent	14.500.000
29	050611230397	Trinh Tien Hung	HQ11-BAF03	3.8	Excellent	90	Excellent	20	Excellent	14.500.000
30	050611230400	Cao Thi Thu Huong	HQ11-BAF10	3.8	Excellent	90	Excellent	20	Excellent	14.500.000
31	050611230485	Phan Bui Tuan Khanh	HQ11-BAF18	3.8	Excellent	90	Excellent	20	Excellent	14.500.000
32	050611230535	Nguyen Thi Hoang Lan	HQ11-BAF04	3.8	Excellent	90	Excellent	20	Excellent	14.500.000
33	050611230612	Truong Hoang Long	HQ11-BAF04	3.8	Excellent	90	Excellent	20	Excellent	14.500.000
34	050611230626	Le Ngoc Mai	HQ11-BAF04	3.8	Excellent	90	Excellent	20	Excellent	14.500.000
35	050611230859	Bui Hoang Yen Nhi	HQ11-BAF04	3.8	Excellent	90	Excellent	20	Excellent	14.500.000
36	050611231029	Tran Thuy Phuong	HQ11-BAF20	3.8	Excellent	90	Excellent	20	Excellent	14.500.000
37	050611231084	Nguyen Ngoc Linh San	HQ11-BAF08	3.8	Excellent	90	Excellent	20	Excellent	14.500.000
38	050611231185	Vo Thi Xuan Thoa	HQ11-BAF07	3.8	Excellent	90	Excellent	20	Excellent	14.500.000
39	050611231215	Nguyen Dao Anh Thu	HQ11-BAF03	3.8	Excellent	90	Excellent	20	Excellent	14.500.000
40	050611231250	Vu Minh Thu	HQ11-BAF01	3.8	Excellent	90	Excellent	20	Excellent	14.500.000
41	050611230879	Nguyen Hoang Yen Nhi	HQ11-BAF14	3.8	Excellent	90	Excellent	17	Excellent	14.500.000
42	050113250801	Tran Ngoc Quynh Nhu	EL113-BAF02	3.8	Excellent	90	Excellent	16	Excellent	14.500.000
43	050313250389	Nguyen Thi Tuong Vy	HQ13-MAG04	3.8	Excellent	90	Excellent	15	Excellent	14.500.000
44	050611230832	Pham Thi Minh Nguyen	HQ11-BAF07	3.7	Excellent	100	Excellent	23	Excellent	14.500.000
45	050611231475	Nguyen Xuan Tung	HQ11-BAF11	3.7	Excellent	100	Excellent	23	Excellent	14.500.000
46	050611230031	Bui Thi Minh Anh	HQ11-BAF19	3.7	Excellent	100	Excellent	20	Excellent	14.500.000
47	050611230123	Duong Y Binh	HQ11-BAF02	3.7	Excellent	100	Excellent	20	Excellent	14.500.000
48	050611230166	Truong Van Cong	HQ11-BAF18	3.7	Excellent	100	Excellent	20	Excellent	14.500.000
49	050611230181	Tran Cong Danh	HQ11-BAF06	3.7	Excellent	100	Excellent	20	Excellent	14.500.000
50	050611230356	Do Minh Hien	HQ11-BAF02	3.7	Excellent	100	Excellent	20	Excellent	14.500.000
51	050611230372	Le Ngoc Hoa	HQ11-BAF02	3.7	Excellent	100	Excellent	20	Excellent	14.500.000
52	050611230532	Phan Tung Lam	HQ11-BAF07	3.7	Excellent	100	Excellent	20	Excellent	14.500.000
53	050611230583	Nguyen Tran Thao Linh	HQ11-BAF05	3.7	Excellent	100	Excellent	20	Excellent	14.500.000
54	050611230617	Le Thao Ly	HQ11-BAF02	3.7	Excellent	100	Excellent	20	Excellent	14.500.000

No.	Student ID	Middle Name	Class	GPA	Academic Standing	Conduct Score	Conduct Rating	Credits	Scholarship Type	Amount (VND)
55	050611230685	Tran Quynh Bao My	HQ11-BAF12	3.7	Excellent	100	Excellent	20	Excellent	14.500.000
56	050611230932	Nguyen Ngoc Quynh Nhu	HQ11-BAF13	3.7	Excellent	100	Excellent	20	Excellent	14.500.000
57	050611231034	Nguyen Vu Nhat Quang	HQ11-BAF05	3.7	Excellent	100	Excellent	20	Excellent	14.500.000
58	050611231532	Tran Thi Bich Van	HQ11-BAF19	3.7	Excellent	100	Excellent	20	Excellent	14.500.000
59	050611231608	Tran Nhu Uyen Vy	HQ11-BAF13	3.7	Excellent	100	Excellent	20	Excellent	14.500.000
60	050112240103	Le Hoai Nha Khuyen	HQ12-BAF04	3.7	Excellent	100	Excellent	20	Excellent	14.500.000
61	050112240740	Huynh Le Bao Nghi	HQ12-BAF05	3.7	Excellent	100	Excellent	20	Excellent	14.500.000
62	050112240865	Nguyen Ha Phuong	HQ12-BAF20	3.7	Excellent	100	Excellent	20	Excellent	14.500.000
63	050112240918	Luong To Thai	HQ12-BAF07	3.7	Excellent	100	Excellent	20	Excellent	14.500.000
64	050812240036	Nguyen Thi Kim Quynh	HQ12-INE02	3.7	Excellent	100	Excellent	19	Excellent	14.500.000
65	050112240673	Lam Thuy Kim Loi	HQ12-BAF05	3.7	Excellent	98	Excellent	20	Excellent	14.500.000
66	050611230785	Mai Khanh Ngoc	HQ11-BAF10	3.7	Excellent	95	Excellent	20	Excellent	14.500.000
67	050611231496	Do Hoang Phuong Uyen	HQ11-BAF02	3.7	Excellent	95	Excellent	20	Excellent	14.500.000
68	050611231591	Nguyen Thi Thuy Vy	HQ11-ACC02	3.7	Excellent	95	Excellent	20	Excellent	14.500.000
69	050112240483	Tran Nhu Dat	HQ12-BAF17	3.7	Excellent	95	Excellent	20	Excellent	14.500.000
70	050113250122	Nguyen Ngoc Khanh Chi	ELI13-BAF01	3.7	Excellent	95	Excellent	16	Excellent	14.500.000
71	050213250080	Nguyen Hoai Ha Vy	HQ13-MIS01	3.7	Excellent	95	Excellent	15	Excellent	14.500.000
72	050611231270	Le Nguyen Phuong Thuy	HQ11-BAF07	3.7	Excellent	94	Excellent	20	Excellent	14.500.000
73	050212240045	Pham Duy Duc	HQ12-MIS01	3.7	Excellent	93	Excellent	18	Excellent	14.500.000
74	050611230030	Bui Pham Tuyet Anh	HQ11-ACC05	3.7	Excellent	90	Excellent	23	Excellent	14.500.000
75	050611230848	Le Trung Nhan	HQ11-BAF20	3.7	Excellent	90	Excellent	23	Excellent	14.500.000
76	050611230021	Vo Truong Ngoc An	HQ11-BAF04	3.7	Excellent	90	Excellent	20	Excellent	14.500.000
77	050611230164	Tran Nhu My Chuyen	HQ11-BAF04	3.7	Excellent	90	Excellent	20	Excellent	14.500.000
78	050611230429	Nguyen Huynh Gia Huy	HQ11-BAF07	3.7	Excellent	90	Excellent	20	Excellent	14.500.000
79	050611230824	Le Thi Truong Nguyen	HQ11-BAF14	3.7	Excellent	90	Excellent	20	Excellent	14.500.000
80	050611230925	Lu Tam Nhu	HQ11-ACC02	3.7	Excellent	90	Excellent	20	Excellent	14.500.000
81	050611230950	Van Thi Quynh Nhu	HQ11-BAF20	3.7	Excellent	90	Excellent	20	Excellent	14.500.000
82	050611231053	Tu My Quyen	HQ11-BAF08	3.7	Excellent	90	Excellent	20	Excellent	14.500.000
83	050611231066	Nguyen Le Thuc Quynh	HQ11-BAF18	3.7	Excellent	90	Excellent	20	Excellent	14.500.000

No.	Student ID	Middle Name	Class	GPA	Academic Standing	Conduct Score	Conduct Rating	Credits	Scholarship Type	Amount (VND)
84	050611231271	Nguyen Hoang Nhat Thuy	HQ11-BAF10	3.7	Excellent	90	Excellent	20	Excellent	14.500.000
85	050611231334	Doan Tue Tran	HQ11-ACC02	3.7	Excellent	90	Excellent	20	Excellent	14.500.000
86	050611231492	Vo Pham Anh Tuyet	HQ11-BAF21	3.7	Excellent	90	Excellent	20	Excellent	14.500.000
87	050611231528	Nguyen Ngoc Hai Van	HQ11-BAF12	3.7	Excellent	90	Excellent	20	Excellent	14.500.000
88	050611231541	Nguyen Thi Ai Vi	HQ11-BAF15	3.7	Excellent	90	Excellent	20	Excellent	14.500.000
89	050611231624	Nguyen Thi My Xuyen	HQ11-BAF17	3.7	Excellent	90	Excellent	20	Excellent	14.500.000
90	050611231633	Ho Xuan Yen	HQ11-BAF17	3.7	Excellent	90	Excellent	20	Excellent	14.500.000
91	050112240242	Tran Minh Thu	HQ12-BAF03	3.7	Excellent	90	Excellent	20	Excellent	14.500.000
92	050611230844	Pham My Nhan	HQ11-BAF03	3.7	Excellent	90	Excellent	17	Excellent	14.500.000
93	050611230893	Phan Thi Y Nhi	HQ11-MAG03	3.7	Excellent	90	Excellent	17	Excellent	14.500.000
94	050113250074	Pham Ngoc Phuong Anh	ELI13-BAF01	3.7	Excellent	90	Excellent	16	Excellent	14.500.000
95	050113250768	Pham Bao Nhi	ELI13-BAF01	3.7	Excellent	90	Excellent	16	Excellent	14.500.000
96	050713250063	Nguyen Bao Tran	HQ13-EL02	3.7	Excellent	90	Excellent	15	Excellent	14.500.000
97	050113251055	Le Thi Cam Tien	HQ13-BAF09	3.7	Excellent	90	Excellent	15	Excellent	14.500.000
98	050611230440	Tu Quoc Huy	HQ11-ACC03	3.6	Excellent	100	Excellent	26	Excellent	14.500.000
99	050611230825	Luong Phuc Nguyen	HQ11-BAF02	3.6	Excellent	100	Excellent	23	Excellent	14.500.000
100	050611230038	Dong Thi Tram Anh	HQ11-BAF11	3.6	Excellent	100	Excellent	23	Excellent	14.500.000

Total 100 students ✓

